CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Ngày 31/12/2025	39,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.1%	**-1.1%**	**-2.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	36,500 - 43,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,114
Số lượng CPLH (CP)	28,490,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,525
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.02)
EPS	2,866
P/E	13.6

DT thuần *Q4/25*
47.2 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 16.9| 55.9%
YoY: ▲ 7.10| 17.8%

LN thuần *Q4/25*
93.9 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 92.8| 8280%
YoY: ▲ 95.2| 7376%

LN sau thuế *Q4/25*
88.4 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 87.8| 14398%
YoY: ▲ 90.5| 4372%

Tỷ suất lãi EBIT *2025*
98.2%
YoY: +/-▲ 59.9%

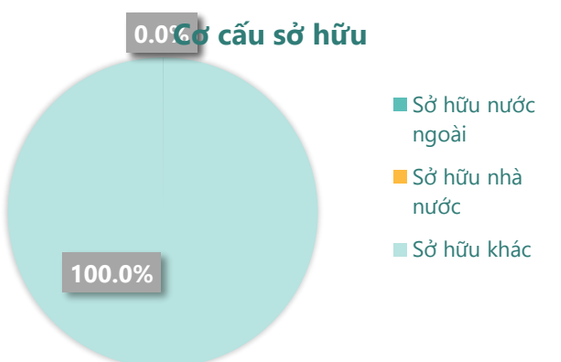
ROE *2025*
24.3%
YoY: +/-▲ 30.5%

DT thuần *2025*
143 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 21.0| 17.1%

LN thuần *2025*
91.3 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 104| 805%

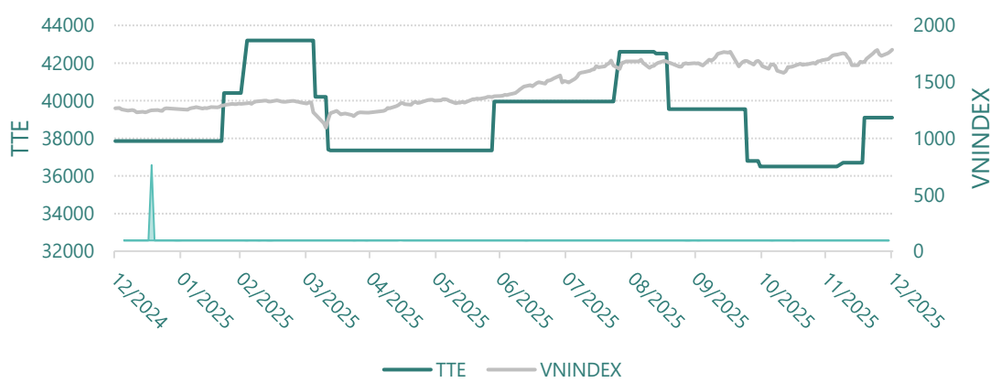
LN sau thuế *2025*
82.5 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 101| 540%

Cơ cấu sở hữu

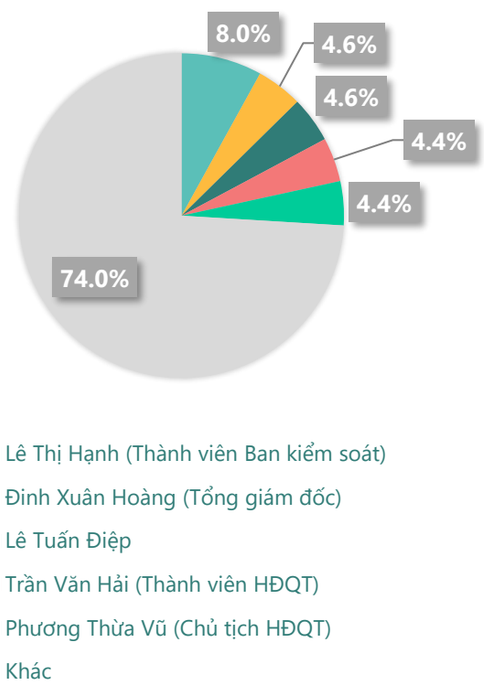


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



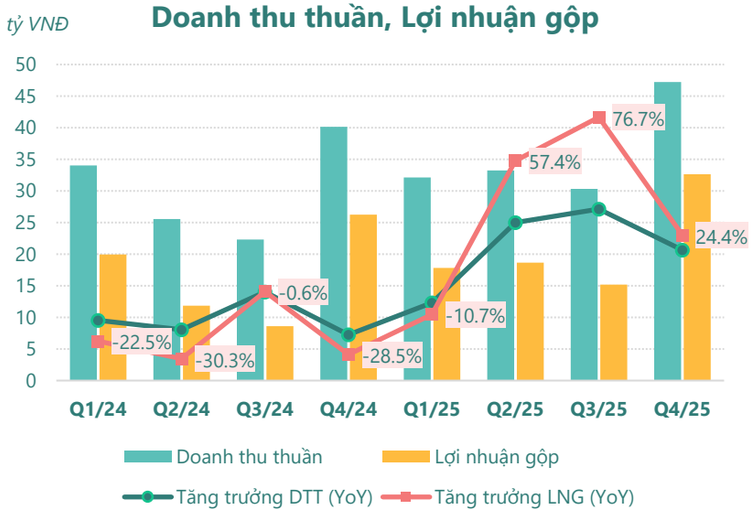
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

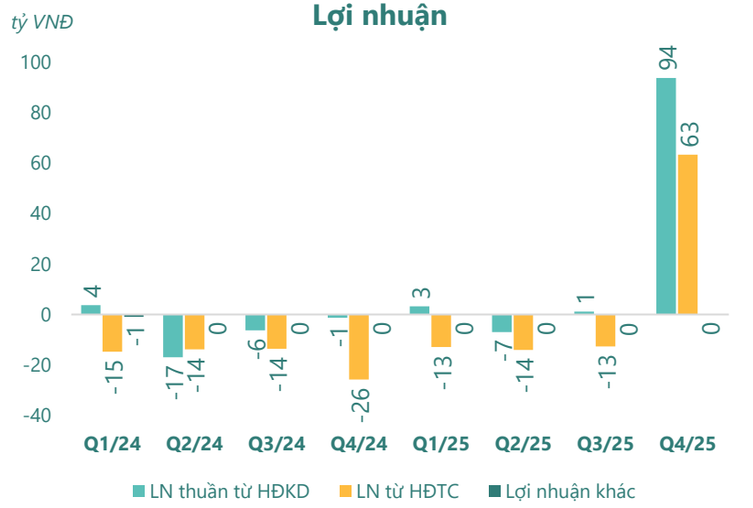
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



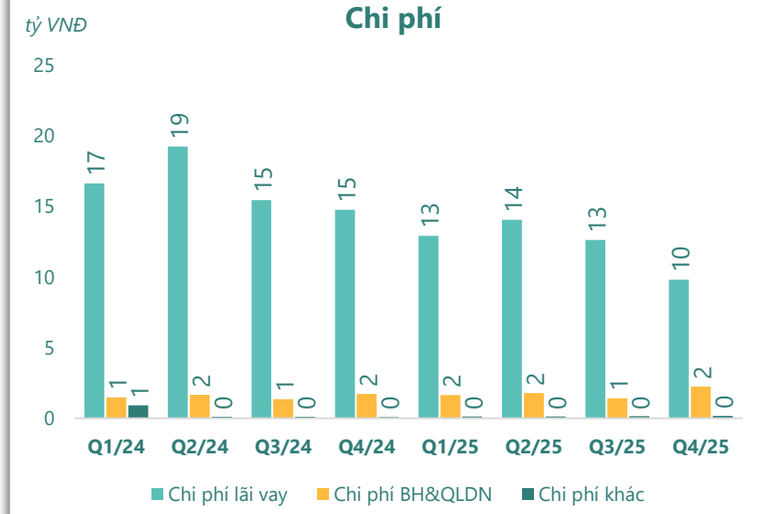
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



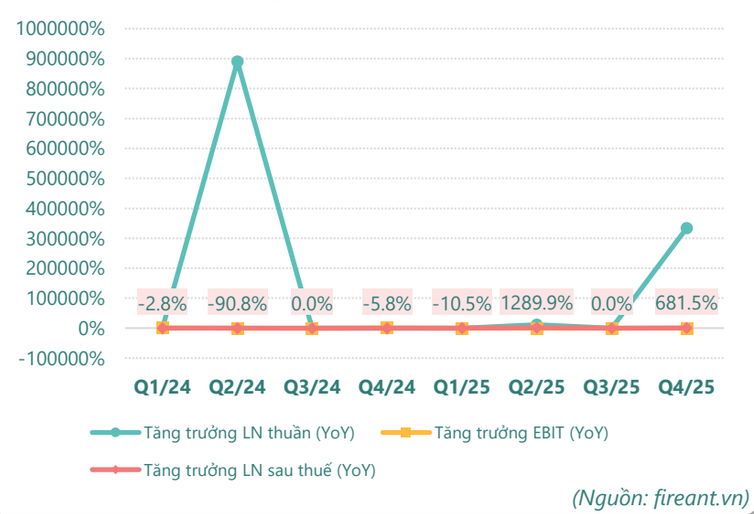
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



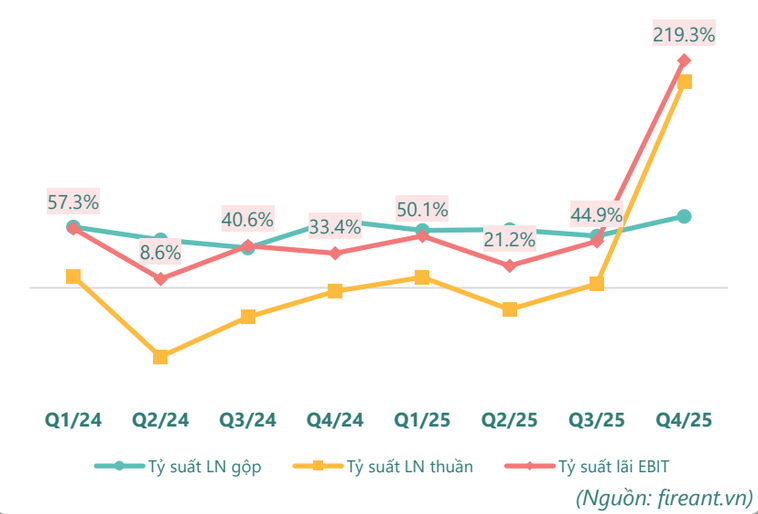
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



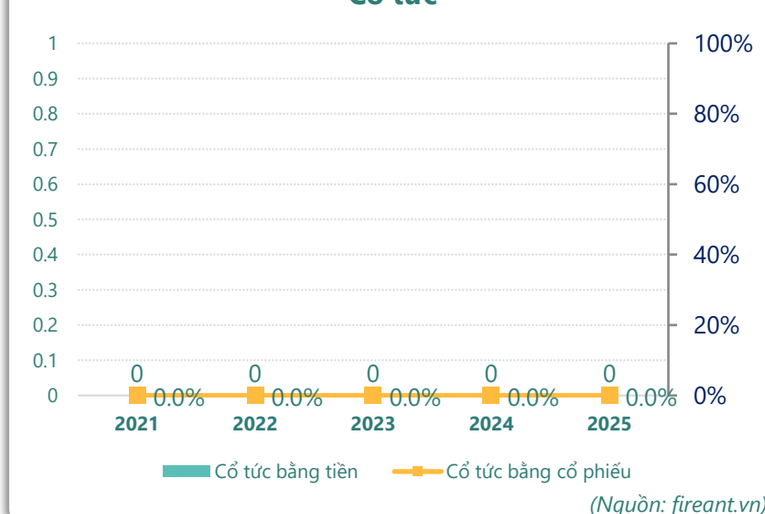
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



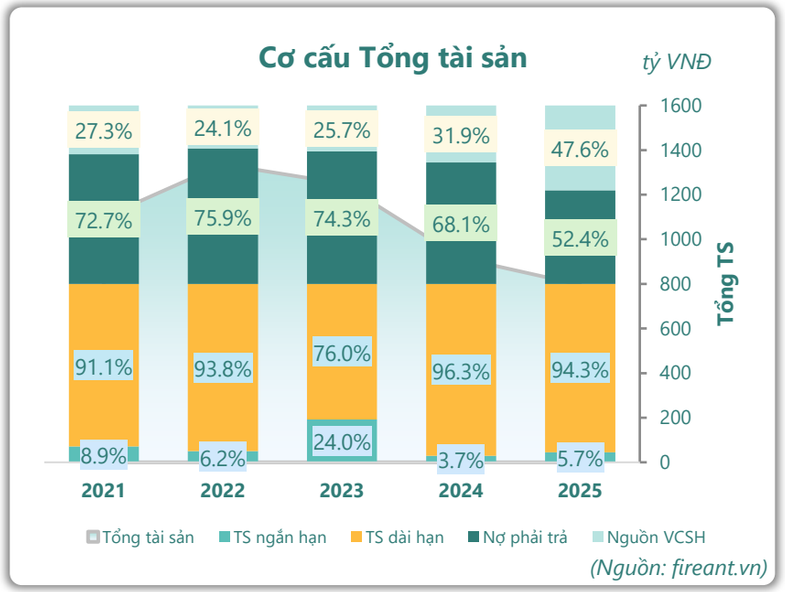
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

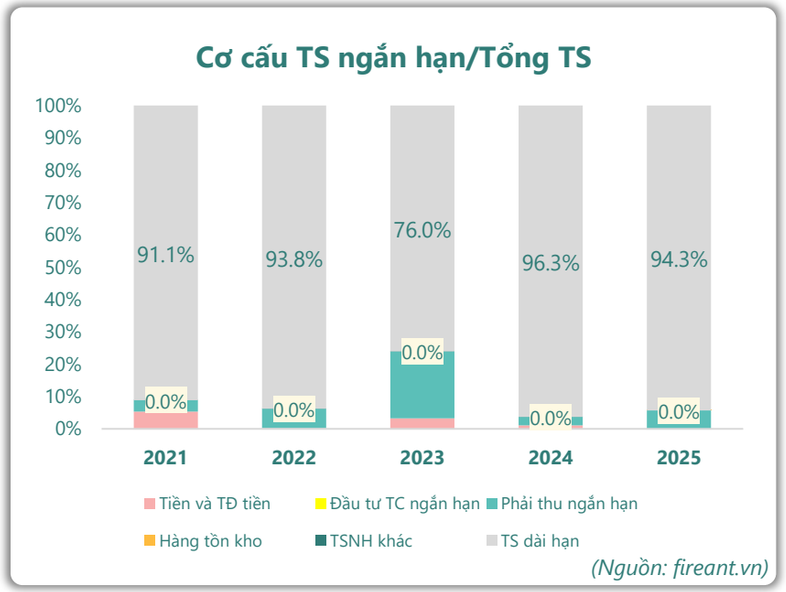


(Nguồn: fireant.vn)

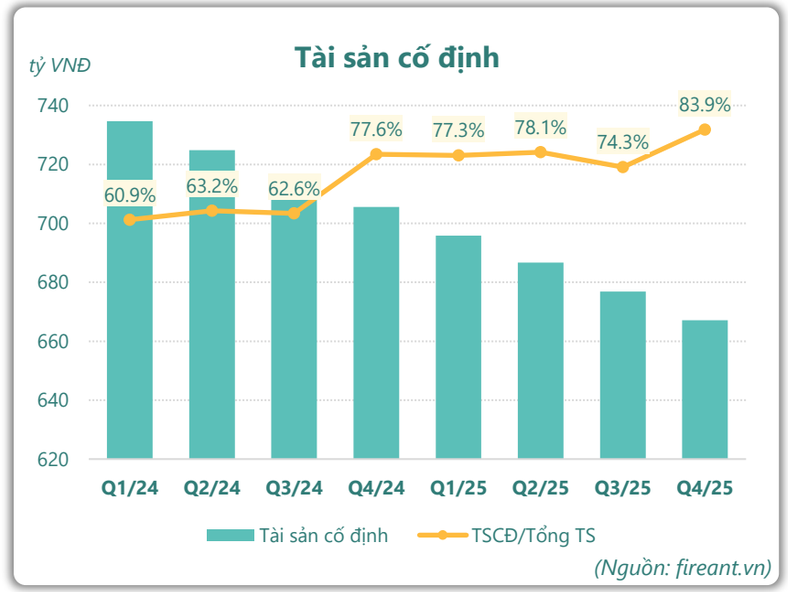
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



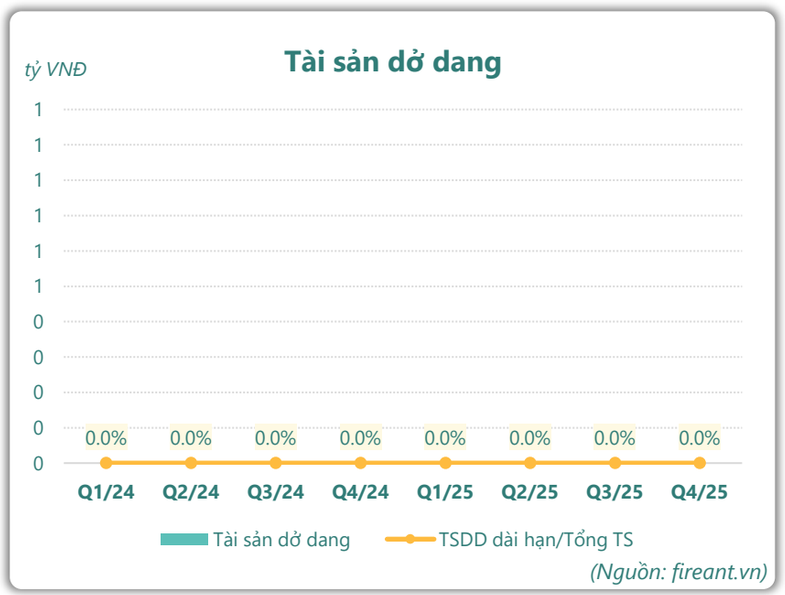
(Nguồn: fireant.vn)



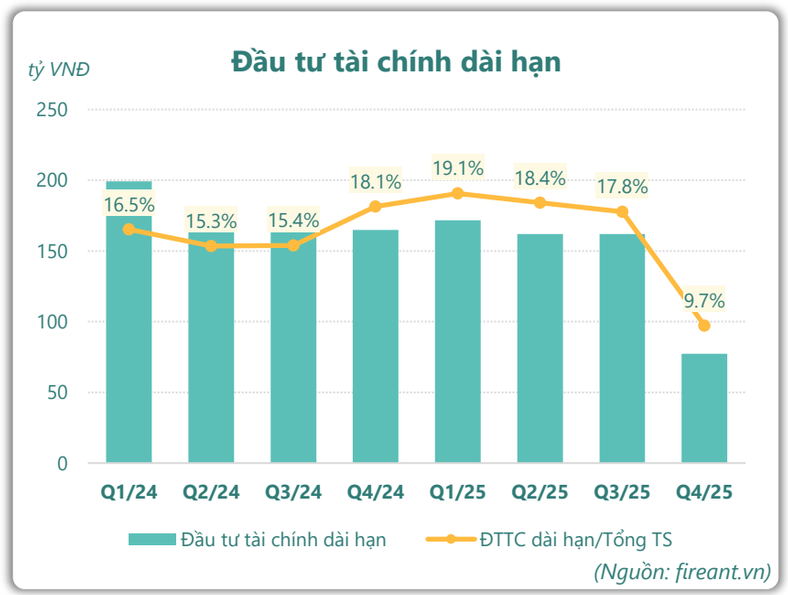
(Nguồn: fireant.vn)



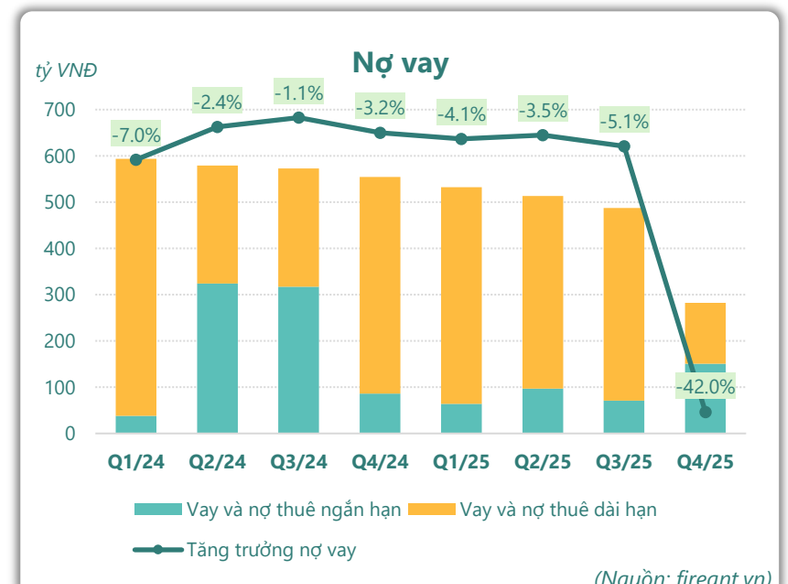
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



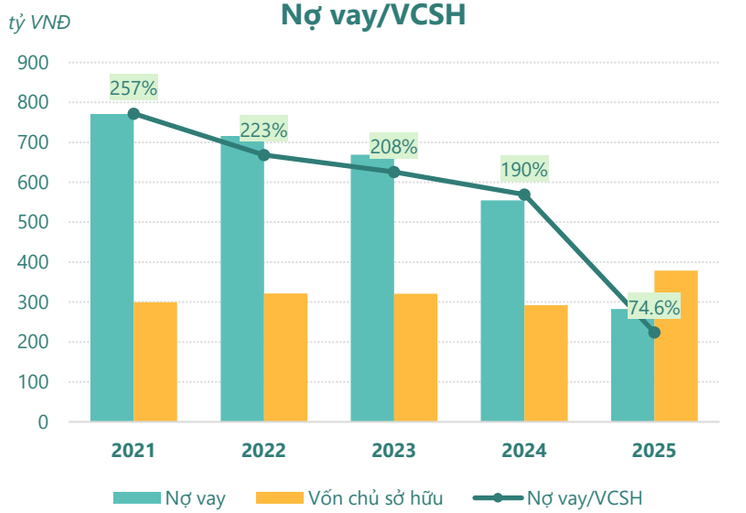
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

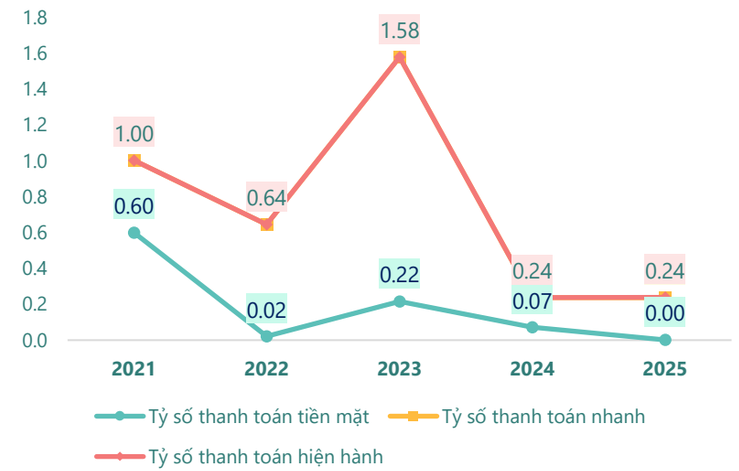
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



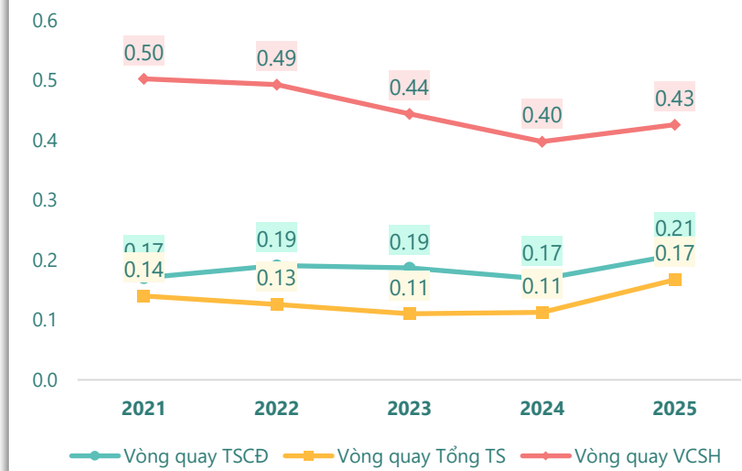
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



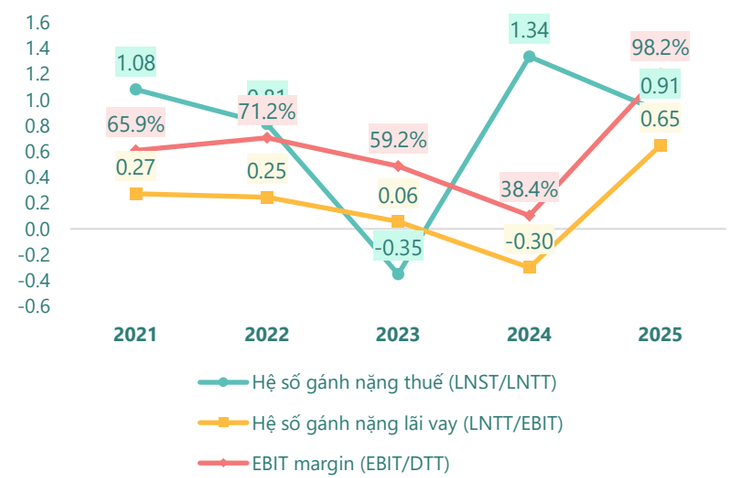
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



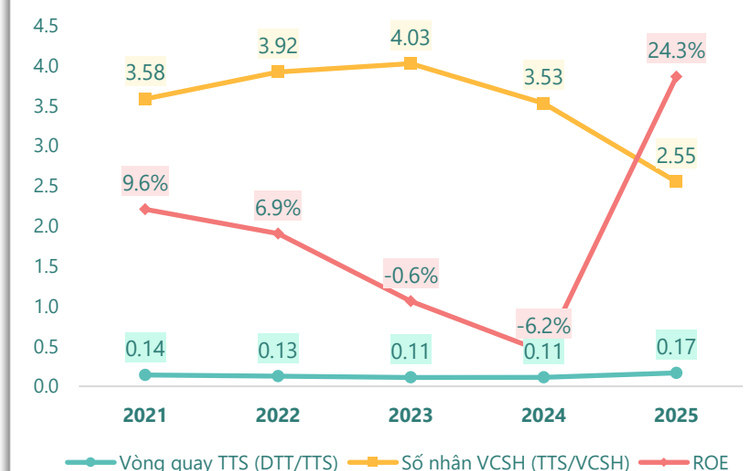
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



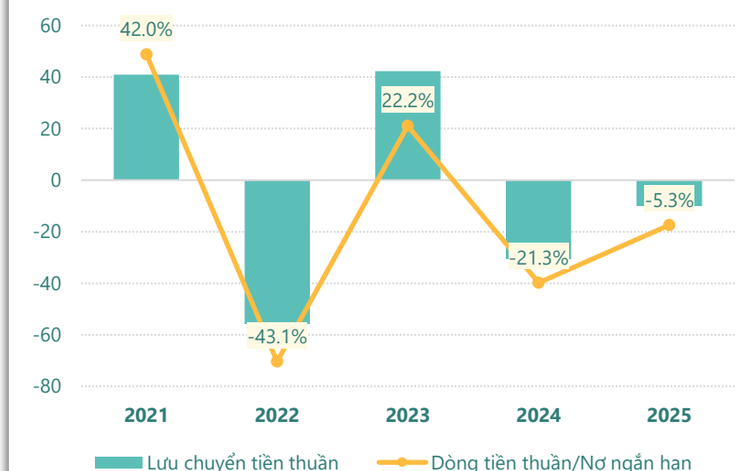
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**47.2**	**40.1**	**17.8%**	**143**	**122**	**17.1%**
Giá vốn hàng bán	14.6	13.9	5.1%	58.6	54.2	8.2%
Lợi nhuận gộp	32.6	26.2	24.6%	84.3	67.8	24.3%
Doanh thu HĐTC	73.3	0.00		73.3	11.0	565%
Chi phí TC	9.81	25.8	-62.0%	49.5	67.9	-27.2%
Chi phí lãi vay	9.81	14.8	-33.7%	49.5	60.8	-18.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-9.75**	**-17.7**	**44.9%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.25**	**1.72**	**30.7%**	**7.10**	**6.18**	**15.0%**
LN thuần từ HĐKD	93.9	-1.29	7376%	91.3	-12.9	805%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**-0.08**	**46.5%**	**-0.39**	**-1.08**	**64.3%**
LN trước thuế	93.8	-1.38	6898%	90.9	-14.0	748%
Lợi nhuận sau thuế	**88.4**	**-2.07**	**4372%**	**82.5**	**-18.7**	**540%**
LNST của CĐ cty mẹ	**87.9**	**-2.23**	**4043%**	**81.7**	**-18.9**	**531%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.6	21.2	14.9	20.2	33.7	54.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.00	0.00	7.02	-7.00	0.00	139
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.00	-18.4	-22.5	-18.8	-26.2	-205
Tiền đầu kỳ	1.89	7.50	10.3	9.72	4.11	11.6
Lưu chuyển tiền thuần	**5.61**	**2.82**	**-0.59**	**-5.61**	**7.53**	**-11.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.50	10.3	9.72	4.11	11.6	0.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**795**	**916**	**-13.2%**
Tài sản ngắn hạn	45.3	34.2	32.4%
Tiền và tương đương tiền	0.27	10.3	-97.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	44.8	23.3	92.5%
Hàng tồn kho	0.25	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.64	-100%
Tài sản dài hạn	**750**	**882**	**-14.9%**
Phải thu dài hạn	-0.50	0.05	-1031%
Tài sản cố định	667	706	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	77.4	172	-54.9%
Tài sản dài hạn khác	**6.09**	**4.26**	**43.0%**
Lợi thế thương mại	0.05	0.16	-68.6%
Nợ phải trả	417	623	-33.1%
Nợ ngắn hạn	**190**	**144**	**32.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	151	86.4	74.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.85	3.99	-3.3%
Nợ dài hạn	226	479	-52.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	132	468	-71.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**379**	**292**	**29.5%**
Vốn chủ sở hữu	**379**	**292**	**29.5%**
Vốn điều lệ	285	285	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)